

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HS-ST
Ngày: 23-6-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Xuân Cầm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Vy và ông Nguyễn Nhân Phái.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thẽ, Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên toà: Ông Đinh Thanh Tâm, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2023/HS-ST ngày 11/5/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 35/2023/QĐXXST-HS ngày 08/6/2023, đối với bị cáo:

Lê N, sinh ngày 22 tháng 11 năm 1993 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: lớp 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê T, sinh năm 1962 và bà Hồ Thị H, sinh năm 1964; vợ: Phạm Thị Kiều N, sinh năm 1995; con: Có 01 người con sinh năm 2018; tiền án: Có 01 tiền án (Ngày 15/01/2021, bị Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 02A/2021/HS-ST; Lê N đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 17/10/2021, chưa được xóa án tích); tiền sự: Không có. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2023 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Chị Lê Thị Ánh N, sinh năm 2004. Trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Đăng H, sinh năm 1991. Trú tại: Thôn A, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 28/02/2023, Lê N đi bộ ngang qua nhà ông Lê S ở Thôn Đ, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, N thấy nhà ông S không có ai nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Lê N đi vào nhà bằng lối cửa hông, khi vào nhà thì phát hiện chị Lê Thị Ánh N (con của ông Lê S) đang nằm ngủ trong phòng, trên giá để sách vở có để 01 túi da màu đen. N liền lén lút mở ra, chiếm đoạt số tiền 7.200.000 đồng chị N để bên trong túi. Sau khi lấy tiền xong, N để lại túi da ở chỗ cũ. Sau đó, N phát hiện có chiếc điện thoại di động của chị N đang sạc pin (loại Iphone 7 Plus, vỏ ngoài màu đen, ốp bằng nhựa màu xanh, bên trong có gắn sim số 0565197529) nên N tiếp tục lén lút chiếm đoạt, rồi tẩu thoát. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, N đem bán chiếc điện thoại cho anh Nguyễn Đăng H ở Thôn A, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế được số tiền 400.000 đồng. Toàn bộ tài sản chiếm đoạt được của chị Nguyệt, Lê N dùng tiêu xài cá nhân.

Quá trình điều tra đã thu giữ được chiếc điện thoại của chị Lê Thị Ánh N từ anh Nguyễn Đăng H và 2.500.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam từ bị cáo.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 06 ngày 10/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện P kết luận: Điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, có giá trị là: 4.080.000 đồng, vỏ bọc điện thoại có giá trị là: 25.000 đồng, sim điện thoại gắn theo điện thoại có giá trị: 50.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản mà Lê N đã chiếm đoạt của chị Lê Thị Ánh N là: 11.355.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại điện thoại di động hiệu iphone 7 Plus cùng ốp bằng nhựa màu xanh, bên trong có gắn sim số 0565197529 và số tiền 2.500.000 đồng cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lê Thị Ánh N.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận với người bị hại bồi thường số tiền còn lại 4.700.000 đồng; chị Nguyệt đã nhận đủ số tiền bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo bồi thường cho anh Nguyễn Đăng H số tiền 400.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKSPL ngày 11/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Lê N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lê N từ 01 năm đến 03 tháng tù; buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ý kiến và lời nói sau cùng của bị cáo Lê N: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]Xét hành vi của bị cáo Lê N, thấy rằng: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại nhà ông Lê S ở Thôn Đ, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; Lê N đã lén lút chiếm đoạt của chị Lê Thị Ánh N (con ông Lê S) điện thoại hiệu iphone 7 Plus (vỏ ngoài màu đen, ốp nhựa màu xanh, bên trong có gắn sim) và số tiền 7.200.000 đồng. Tổng trị giá tài sản mà Lê N đã chiếm đoạt là: 11.355.000 đồng.

Do đó, bị cáo Lê N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự nên Cáo trạng số 37/CT-VKSPL ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Lê N với tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của bị cáo Lê N là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý nghiêm minh.

[3.1]Ngày 15/01/2021, bị cáo bị Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 02A/2021/HS-ST. Ngày 17/10/2021, bị cáo mới chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích. Do đó, lần phạm tội lần này của bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự Tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3.2]Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã tự nguyện bồi thường đầy đủ thiệt hại; đã thành khẩn khai báo, bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]Xét các căn cứ quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Lê N có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án xét xử cùng về hành vi trộm cắp tài sản. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù không chịu khó làm ăn lương thiện, lại tiếp tục hành vi trộm cắp tài sản người khác, chứng tỏ bị cáo quá xem thường pháp luật. Do

vậy, cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Đối với anh Nguyễn Đăng H, khi mua tài sản do Lê N đem bán, không biết tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị cáo đã bồi thường đầy đủ thiệt hại, không có ai yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã xử lý vật chứng trả lại các tài sản bị chiếm đoạt cho bị hại, không ai có ý kiến gì nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê N 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (01/3/2023).

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Lê N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- THADS huyện P;
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Xuân Cầm